

Bản án số: 266/2018/HS-PT

Ngày 09 - 11 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành;

Các Thẩm phán: Ông Trần Nam Phương;

Ông Nguyễn Công Sự.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Phan Hoàng Quân – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 204/2018/TLPT-HS ngày 10 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo Trần Nguyễn Duy Q và các bị cáo khác; do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 249/2018/HS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Nguyễn Duy Q, sinh năm 1983 tại tỉnh Đồng Nai; nơi đăng ký thường trú và cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Tr và bà Nguyễn Thị Kim Ph; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 10 tháng 6 năm 2018; hiện nay, đang bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ – Công an thành phố B; có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Ngọc H, sinh năm 1973 tại tỉnh Đồng Nai; nơi đăng ký thường trú và cư trú: Số D, Khu phố E, phường F, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Nhân viên tư vấn bảo hiểm; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H và bà Đỗ Thị Q; có chồng tên Nguyễn Thanh H, có 05 người con, lớn nhất sinh năm 1992 và nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, chuyển tạm giam từ ngày 10 tháng 6 năm 2018; hiện nay, đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam – Công an tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

3. Đinh Mã Ph, sinh năm 1990 tại tỉnh Đồng Nai; nơi đăng ký thường trú và cư trú: Số G, Khu phố H, phường I, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Ngọc Th và bà Trần Thị Kim D; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, chuyển tạm giam từ ngày 10 tháng 6 năm 2018; hiện nay, đang bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ – Công an thành phố B; có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1999 tại tỉnh Đồng Nai; nơi đăng ký thường trú và cư trú: Ấp K, xã L, huyện M, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Anh T và bà Phạm Thị L; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, chuyển tạm giam từ ngày 10 tháng 6 năm 2018; hiện nay, đang bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ – Công an thành phố B; có mặt tại phiên tòa.

5. Hồ Công D, sinh năm 1995 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký thường trú: Thôn N, xã O, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Hữu M và bà Nguyễn Thị Mỹ K; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, chuyển tạm giam từ ngày 10 tháng 6 năm 2018; hiện nay, đang bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ – Công an thành phố B; có mặt tại phiên tòa.

6. Diệp Út T, sinh năm 1994 tại tỉnh Sóc Trăng; nơi đăng ký thường trú: Ấp Q, xã X, huyện Y, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Diệp Phước T và bà Trần Thị Qu; có vợ tên Nguyễn Thị Trúc L và có 01 con sinh năm 2013; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị

bắt tạm giữ, chuyển tạm giam từ ngày 10 tháng 6 năm 2018; hiện nay, đang bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ – Công an thành phố B; có mặt tại phiên tòa.

7. Võ Như H, sinh năm 1996 tại tỉnh Cà Mau; nơi đăng ký thường trú: Ấp A1, xã B1, huyện C1, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Thành C và bà Tô Thị L; có chồng tên Nguyễn Thanh Ph (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2014; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, chuyển tạm giam từ ngày 10 tháng 6 năm 2018; hiện nay, đang bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ – Công an thành phố B; có mặt tại phiên tòa.

8. Nguyễn Thị Lan A, sinh năm 1997 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký thường trú: Thôn D1, xã F1, huyện G1, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn D và bà Nguyễn Thị H; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, chuyển tạm giam từ ngày 10 tháng 6 năm 2018; hiện nay, đang bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ – Công an thành phố B; có mặt tại phiên tòa.

9. Phạm Ngọc H, sinh năm 1995 tại tỉnh Đồng Nai; nơi đăng ký thường trú và cư trú: Số H1, ấp K1, xã L1, huyện M1, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Hữu Th (đã chết) và bà Phạm Thị M; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, chuyển tạm giam từ ngày 10 tháng 6 năm 2018; hiện nay, đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam – Công an tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

10. Đinh Kha L, sinh năm 1987 tại tỉnh Bạc Liêu; nơi đăng ký thường trú: Ấp N1, xã I1, huyện O1, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Phụ hồ; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn D và bà Hồ Thị Th; có vợ tên Nguyễn Thị Đ (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2013; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, chuyển tạm giam từ ngày 10 tháng 6 năm 2018; hiện nay, đang bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ – Công an thành phố B; có mặt tại phiên tòa.

11. Đoàn Văn Th, sinh năm 1974 tại tỉnh Đồng Nai; nơi đăng ký thường trú và cư trú: Ấp P1, xã Q1, huyện X1, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Thợ mộc; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn Th (đã chết) và bà Vũ Thị Th (đã chết); có vợ tên Nguyễn Thị Th, có 06 người con, lớn nhất sinh năm 1997 và

nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, chuyển tạm giam từ ngày 10 tháng 6 năm 2018; hiện nay, đang bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ – Công an thành phố B; có mặt tại phiên tòa.

12. Nguyễn Thanh T, sinh năm 1983 tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nơi đăng ký thường trú: Ấp Y1, thị trấn Z1, huyện A2, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Th (đã chết) và bà Phan Thị M; có vợ tên Nguyễn Thị T, có 02 người con, lớn sinh năm 2009 và nhỏ sinh năm 2013; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, chuyển tạm giam từ ngày 10 tháng 6 năm 2018; hiện nay, đang bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ – Công an thành phố B; có mặt tại phiên tòa.

13. Nguyễn Thị Ngọc Ph, sinh năm 1988 tại tỉnh Đồng Nai; nơi đăng ký thường trú và cư trú: Số B2, Khu phố C2, phường D2, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc Tr và bà Nguyễn Thị Ngọc Y; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, chuyển tạm giam từ ngày 10 tháng 6 năm 2018; hiện nay, đang bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ – Công an thành phố B; có mặt tại phiên tòa.

14. Nguyễn Thị Trúc A, sinh năm 1994 tại tỉnh Đồng Nai; nơi đăng ký thường trú và cư trú: Số E2, Khu phố F2, phường G2, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc Tr và bà Nguyễn Thị Ngọc Y; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, chuyển tạm giam từ ngày 10 tháng 6 năm 2018; hiện nay, đang bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ – Công an thành phố B; có mặt tại phiên tòa.

15. Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1974 tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký thường trú và cư trú: Số H2, Khu phố I2, phường K2, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn A (đã chết) và bà Trần Thị D; có chồng tên Bùi Thọ Kh, có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1999 và nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, chuyển tạm giam từ ngày 10 tháng 6 năm 2018; hiện nay, đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam – Công an tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

- Ngoài ra, còn có 05 (năm) bị cáo khác không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị.

- Người bào chữa cho các bị cáo Trần Nguyễn Duy Q, Đoàn Văn Th, Đinh Mã Ph, Võ Như H, Nguyễn Thị Thùy D, Diệp Út T, Nguyễn Thị Ngọc Ph, Nguyễn Thị Trúc A, Phạm Ngọc H, Phạm Ngọc H, Hồ Công D và Nguyễn Thị Lan A:

1. Ông Đặng Đình M – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Đặng Đình M - Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Số L2, đường M2, Phường N2, Quận O2, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt tại phiên tòa.

2. Ông Nguyễn Văn M – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Luật Hồng Đ - Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Số P2, Quốc lộ Q2, Khu phố X2, phường Y2, quận Z2, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt tại phiên tòa.

3. Ông Trịnh Vĩnh Ph – Luật sư thuộc Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Q; địa chỉ: Số A3, đường B3, phường C3, Quận D3, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính của vụ án:

Khoảng 12 giờ ngày 10 tháng 6 năm 2018, tại khu vực Công viên 30/4 thuộc phường T, thành phố B, lợi dụng việc Quốc hội đưa ra thảo luận Dự thảo Luật Đơn vị hành chính kinh tế đặc biệt và Luật An ninh mạng, Trần Nguyễn Duy Q, Phạm Ngọc H, Nguyễn Đình Tr, Phạm Văn L, Đinh Mã Ph, Diệp Út T, Nguyễn Thị Trúc L, Nguyễn Thị Thùy D, Đinh Kha L, Võ Như H, Đoàn Văn Th, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Ngọc Ph, Nguyễn Thị Trúc A, Nguyễn Thị Lan A, Hồ Công D, Phạm Ngọc H, Nguyễn Thị Ngọc L, Bùi Ngọc Quỳnh Gi (sinh ngày 22-9-2002) và khoảng hơn 200 người, đã tụ tập thành đám đông, mang theo băng rôn, khẩu hiệu và cờ Tổ Quốc, đi bộ cùng nhiều xe mô tô, diễu hành dưới lòng đường Quốc lộ 1A từ Công viên Th đến ngã tư T1; đi vào đường Ph hướng về cầu M (thuộc phường T, thành phố B), để phản đối 02 dự luật nêu trên.

Trong quá trình diễu hành, đoàn người đã có hành vi vừa đi vừa hô hào với nội dung: “Phản đối”, “Phản đối cho Trung Quốc thuê đất 99 năm”,

“*Phản đối Quốc hội thông qua luật đặc khu*”... ; kích động đám đông gây rối, vây cờ, đi xe mô tô, đi bộ, cầm theo băng rôn, dàn ngang lấn chiếm hết lòng đường, ngăn cản các phương tiện giao thông lưu thông qua lại, dẫn đến gây ách tắc giao thông trên các tuyến đường Quốc lộ 1A, Ph và D, thuộc các phường Tân B, H, Tam H, Tân M, Tân T và Th, thành phố B. Trước tình hình này, lực lượng chức năng của Công an thành phố B, đã triển khai công tác đảm bảo an toàn giao thông bằng việc phân tuyến phương tiện qua lại. Mặc dù, tại cầu M và ngã tư L, lực lượng Công an liên tục phát loa, nhắc nhở đoàn người điều hành tuân thủ pháp luật; nhiều lần yêu cầu những người tham gia điều hành không được tụ tập thành đám đông trên đường; nhưng đám đông đã không chấp hành mà tiếp tục quay lại ngã tư L và chuyển hướng vào đường D.

Hành vi của các bị cáo nêu trên cùng đám đông khoảng hơn 200 người, đã gây rối trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự và an toàn xã hội tại địa phương; làm ách tắc giao thông trên Quốc Lộ 1A kéo dài khoảng từ 12 giờ đến 14 giờ, ách tắc giao thông trên đường Phạm Văn Thuận và đường Dương Tử Giang kéo dài khoảng từ 14 giờ đến 16 giờ.

Ngoài ra còn có một số đối tượng (chưa rõ lai lịch) phát bánh mỳ, nước uống, băng rôn và cờ cho đoàn người tham gia điều hành. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, các bị cáo bị Công an thành phố B lập biên bản phạm tội quả tang.

Hành vi của từng bị cáo cụ thể như sau:

- Trần Nguyễn Duy Qu: Bắt đầu tham gia cùng đám đông nêu trên từ 13 giờ 30 phút tại khu vực cầu S thuộc phường Hồ N, thành phố B, qua các tuyến đường Quốc lộ 1A, Ph và D. Duy Qu điều khiển xe mô tô biển số 93XX-0000, dẫn đầu đoàn biểu tình, cổ vũ kích động và hô to khẩu hiệu: “*Phản đối*” và “*Phản đối Trung Quốc*”, cổ vũ và kích động đám đông.

- Phạm Ngọc H: Bắt đầu tham gia từ 12 giờ tại giáo xứ Th thuộc phường Hồ N, thành phố B, đi cùng đoàn người qua các tuyến đường Quốc lộ 1A, Ph và D. H điều khiển xe mô tô biển số 60XX-0000X, cùng đoàn điều hành, hô to các khẩu hiệu: “*Phản đối, phản đối*”, từ cầu M đến đường D. Hạnh chờ Nguyễn Đình Tr ngồi phía sau xe, để Tr và H cùng hò hét, kích động đám đông gây mất trật tự nơi công cộng.

- Nguyễn Đình Tr: Tối ngày 09/6/2018, Tr được đối tượng tên S (chưa rõ lai lịch), rủ đi biểu tình ở khu vực Khu Công nghiệp A và được S hứa cho mượn xe mô tô để đi chơi; nên Tr đồng ý. Tr bắt đầu tham gia từ 12 giờ tại khu vực giáo xứ Th thuộc phường Hồ N, thành phố B; qua các tuyến đường Quốc lộ 1A,

Ph và D. Tr đi bộ, dẫn đầu đoàn diễu hành, hô hét lớn các khẩu hiệu: “*Phản đối, phản đối*”, từ cầu M đến đường D. Trường ngồi phía sau xe của Phạm Ngọc H, để cùng H hô to các khẩu hiệu.

- Phạm Văn L: Bắt đầu tham gia từ 13 giờ tại vòng xoay T, qua các tuyến đường Ph và D. L đã có hành vi la hét, hô hào lớn các khẩu hiệu, cầm và vấy Quốc kỳ Việt Nam; đứng giữa đường, vấy cờ và chặn các phương tiện khác không cho lưu thông. Khi đến khu vực ngã tư L, L lên xe mô tô do Đinh Mã Ph điều khiển, tiếp tục có các hành vi cầm cờ vấy, để kích động hô hào lớn các khẩu hiệu.

- Đinh Mã Ph: Điều khiển xe mô tô biển số 60XX-1111Y, chở Phạm Văn L ngồi sau, bắt đầu tham gia đám đông biểu tình từ 15 giờ tại khu vực ngã tư Lạc Cường. Ph lấy một biểu ngữ bằng giấy car-ton có nội dung “*Phản đối cho Trung Quốc thuê đất*” dán phía trước xe mô tô và cùng đám đông hô to khẩu hiệu.

- Diệp Út T, Nguyễn Thị Trúc L và Nguyễn Thị Thùy D: Tham gia từ 11 giờ tại khu vực gần Bệnh viện Đa khoa Th, T điều khiển xe mô tô biển số 60YY-222XX, chở D (em gái L) và Ly (vợ T). Trên đường đi, một đối tượng (chưa rõ lai lịch) đưa cho D và L mỗi người cầm một tờ biểu ngữ. Cả ba hòa vào đám đông, đi qua các tuyến đường Quốc lộ 1A, Ph và D. Từ đoạn đường ngã tư A, T chở L bằng xe mô tô; còn D xuống xe, đi bộ cùng những người dẫn đầu đoàn diễu hành. T, D và L la hét, hô hào các khẩu hiệu: “*Phản đối, phản đối*”. Khi nghe loa của lực lượng chức năng yêu cầu giải tán, D không chấp hành mà còn có hành vi chửi bới lớn tiếng.

- Nguyễn Thị Trúc A và Nguyễn Thị Ngọc Ph: Trúc A điều khiển xe mô tô biển số 60YY-333YY, chở Ph (chị gái Trúc A), bắt đầu tham gia từ 11 giờ tại khu vực chợ S thuộc phường Tân B, qua các tuyến đường Quốc lộ 1A, Ph và D; Trúc A và Ph hô lớn các khẩu hiệu: “*Phản đối Trung Quốc thuê đất*”, “*Phản đối Trung Quốc thuê đặc khu*”.

- Đinh Kha L và Võ Như H: Kha L điều khiển xe mô tô biển số 69ZZ-111ZZ, chở H, bắt đầu tham gia từ 11 giờ 30 tại khu vực Bệnh viện Đa khoa Thống Nhất; qua các tuyến đường Quốc lộ 1A, Ph và D; H cầm băng rôn ghi chữ: “*Phản đối Trung Quốc*”, H và L cùng hô lớn các khẩu hiệu: “*Phản đối, phản đối*”.

- Nguyễn Thị T và Nguyễn Thanh T: T điều khiển xe mô tô biển số 72XX-123YY và chở T (vợ T), bắt đầu tham gia từ 13 giờ 30 phút tại khu vực

ngã tư T1; qua các tuyến đường Ph và D. Trên đường đi, T được 1 người đàn ông (không rõ lai lịch), đưa T cầm 01 tờ biểu ngữ với nội dung: “*Không cho người Trung Quốc thuê đất*”; T và T cùng la hét, hô to các khẩu hiệu: “*Phản đối Trung Quốc*”, “*Phản đối*”.

- Đoàn Văn Th và Nguyễn Thị T: Th điều khiển xe mô tô biển số 60YY-44YY và chở Th (vợ Th); bắt đầu tham gia từ 11 giờ tại khu vực Công viên Th; đi qua các tuyến đường Quốc lộ 1A, Ph và D. Th và Th hô to khẩu hiệu: “*Phản đối, phản đối*”; Th cầm biểu ngữ ghi chữ: “*Phản đối*”. Tại khu vực ngã tư L, Th xuống xe và cầm băng rôn kích thước 190cm x 55cm có ghi nội dung: “*Không cho Trung Quốc thuê đất dù chỉ một ngày, chúng tôi cần thể chế tự do dân chủ*”.

- Phạm Ngọc H, Nguyễn Thị Lan A và Hồ Công D: Xem trên mạng xã hội Facebook có nhiều thông tin kêu gọi biểu tình; nên Công D, Lan A và H rủ nhau tham gia. Lan A điều khiển xe mô tô biển số 60BB-123BB chở H, còn Công D đi bộ; bắt đầu tham gia đám đông diễu hành từ 11 giờ tại khu vực Bệnh viện Đa khoa Th, di chuyển qua các tuyến đường Quốc lộ 1A, Ph và D; D và H cầm biểu ngữ cùng với Lan A hô to: “*Phản đối, phản đối*”, “*Phản đối Trung Quốc, phản đối Chính phủ cho Trung Quốc thuê đất*”.

- Nguyễn Thị Ngọc L: Điều khiển xe mô tô biển số 60FF-555XX, chở Bùi Ngọc Quỳnh G (con gái L) ngồi sau, bắt đầu tham gia từ 11 giờ tại khu vực giáo xứ Th; đi qua các tuyến đường Quốc lộ 1A, Ph và D. Trên đường đi, L được 01 người (không rõ lai lịch) đưa và L dán 01 tờ biểu ngữ: “*Việt Nam no China*” lên trước đầu xe, L và G la hét, hô to: “*Phản đối, phản đối*”.

2. Vật chứng thu giữ gồm:

- Tại đoạn đường D: 10 tờ giấy bìa car-ton kích thước 40cm x 40cm ghi nội dung: “*Không cho Trung Quốc thuê đất dù chỉ một ngày*”; 02 tờ giấy bìa car-ton 40cm x 40cm ghi nội dung: “*Phản đối chính quyền cho Trung Quốc thuê đất, Trung Quốc get out Việt Nam*”; 03 tờ giấy khổ giấy A3 ghi nội dung: “*Đả đảo CS bán của dân*”; 40 tờ giấy khổ giấy A4 ghi nội dung: “*Chúng tôi phản đối Quốc hội thông luật đặc khu chứ không mặc cả để giảm thời hạn và chúng tôi nói không dù chỉ 01 năm*”; 01 tấm bạt ni-lon, kích thước 190cm x 55cm ghi nội dung: “*Không cho Trung Quốc thuê đất dù chỉ 1 ngày. Chúng tôi cần thể chế tự do dân chủ*”; 04 tờ giấy khổ 40cm x 40cm, ghi nội dung: “*Phản đối chính quyền cho thuê đất*”; 03 lá cờ đỏ sao vàng.

- Cơ quan điều tra đã thu giữ các phương tiện do các bị cáo sử dụng vào

việc phạm tội gồm:

- + 01 xe mô tô biển số 60HH - 004.HH của Nguyễn Thị Thùy D.
- + 01 xe mô tô biển số 60TT – 000T của Đoàn Văn Th.
- + 01 xe mô tô biển số 60BB – 111B của Phạm Ngọc H.
- + 01 xe mô tô biển số 60FF – 222F của Phạm Ngọc H.
- + 01 xe mô tô biển số 72FF – 333F của Nguyễn Thanh T.
- Cơ quan điều tra đã thu giữ và giao trả do quá trình điều tra xác định được các loại tài sản không liên quan đến vụ án, bao gồm:
 - + 01 Chứng minh nhân dân cho Nguyễn Thị Thùy D và 01 Chứng minh nhân dân cho Nguyễn Thị Trúc L.
 - + 01 điện thoại di động hiệu Nokia cho Đoàn Văn Th.
 - + 01 điện thoại di động hiệu Masstel cho Nguyễn Thị Th.
 - + 01 điện thoại Iphone 5S, 01 điện thoại hiệu OPPO, 01 Giấy phép lái xe cho Phạm Ngọc H.
 - + 01 điện thoại di động hiệu Blackberry, 415.000 đồng (bốn trăm mười lăm nghìn đồng) cho Đinh Mã Ph.
 - + 01 điện thoại Iphone 6 số Imei: 359235062522007, 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng) cho Phạm Ngọc H.
 - + 01 Chứng minh nhân dân cho Võ Như H.
 - + 01 Chứng minh nhân dân mang tên Đinh Kha L và 1.300.000 đồng (một triệu ba trăm nghìn đồng) cho Đinh Kha L.
 - + 01 điện thoại SamSung Galaxy Pro7 cho Nguyễn Thị T.
 - + 01 thẻ căn cước, 01 điện thoại di động hiệu Samsung A5 cho Nguyễn Thanh T.
 - + 01 điện thoại di động hiệu Nokia Lumia 1320, 01 Chứng minh nhân dân tên Nguyễn Đình Tr, 01 giấy đăng ký xe biển số 60KK-0000X, 01 đồng hồ đeo tay hiệu Kalipas và 190.000 đồng (một trăm chín mươi nghìn đồng) cho Nguyễn Đình Tr.
 - + 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Airblade, biển số 60FF-1111Y, số máy JF46B5149266, số khung 4613EY475712 cho anh Bùi Thọ Kh.
 - Đối với một số tài sản khác đã tạm giữ gồm: 01 xe mô tô biển số 93FF-

333X (thu giữ của Trần Nguyễn Duy Q); 01 xe mô tô biển số 60BB- 111YY (thu giữ của Đinh Mã Ph); thu giữ của Võ Như H 01 xe mô tô biển số 69FF-276YY và giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Tô Thị L (sinh năm 1975, thường trú: xã K3, huyện L3, tỉnh Cà Mau). Trong quá trình điều tra, do chưa xác định được chủ sở hữu, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau.

- Đối với 01 xe mô tô và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 60BB-333YY thu giữ của Nguyễn Thị Trúc A: Cơ quan điều tra đã làm rõ xe này của chị Nguyễn Thị Kim V (sinh năm 1987, thường trú: M3, Khu phố N3, phường O3, thành phố B). Chị V cho Trúc A mượn và không biết Trúc A dùng vào việc phạm tội.

3. Quyết định của cấp sơ thẩm:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 249/2018/HS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, đã tuyên bố các bị cáo phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”; quyết định xử phạt như sau:

- Xử phạt bị cáo Trần Nguyễn Duy Q 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.
- Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc H 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình Tr 01 (một) năm cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập.
- Xử phạt bị cáo Phạm Văn L 01 (một) năm cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập.
- Xử phạt bị cáo Đinh Mã Ph 10 (mười) tháng tù.
- Xử phạt bị cáo Diệp Út T 10 (mười) tháng.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thùy D 10 (mười) tháng tù.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Trúc L 01 (một) năm 02 (hai) tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Trúc A 10 (mười) tháng tù.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Ph 10 (mười) tháng tù.
- Xử phạt bị cáo Đinh Kha L 10 (mười) tháng tù.
- Xử phạt bị cáo Võ Như H 08 (tám) tháng tù.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 10 (mười) tháng tù.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 01 (một) năm 02 (hai) tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập.
- Xử phạt bị cáo Đoàn Văn Th 10 (mười) tháng tù.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Th 01 (một) năm 02 (hai) tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập.
- Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc H 10 (mười) tháng tù.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Lan A 10 (mười) tháng tù.
- Xử phạt bị cáo Hồ Công D 10 (mười) tháng tù.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L 10 (mười) tháng tù.
- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

4. Kháng cáo:

- Các bị cáo kháng cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt, bao gồm: Trần Nguyễn Duy Q, Đinh Mã Ph, Hồ Công D, Diệp Út T, Đinh Kha L, Đoàn Văn Th, Nguyễn Thị Ngọc Ph và Nguyễn Thị Trúc A.
- Các bị cáo kháng cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, bao gồm: Phạm Ngọc H, Nguyễn Thị Thùy D, Võ Như H, Nguyễn Thị Lan A, Phạm Ngọc H, Nguyễn Thanh T và Nguyễn Thị Ngọc L.
- Tại phiên tòa phúc thẩm, tất cả các bị cáo đều thay đổi nội dung kháng cáo; các bị cáo cho rằng việc tham gia điều hành là xuất phát từ lòng yêu nước, không phải là hành vi phạm tội; đề nghị Tòa án tuyên các bị cáo không phạm tội.

4. Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:

Kiểm sát viên đã đánh giá, phát biểu quan điểm xử lý vụ án, kết luận cấp sơ thẩm giải quyết là có cơ sở và phù hợp; đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đối với các tình tiết giảm nhẹ mới mà các bị cáo cung cấp tại phiên tòa; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và giải quyết theo quy định của pháp luật.

5. Phần phát biểu của những người bào chữa tại phiên tòa phúc thẩm:

5.1. Ông Đặng Đình M trình bày:

- Tại trang 1 của Cáo trạng nêu hành vi của các bị cáo là đi biểu tình; việc này là hợp pháp, được Hiến pháp và pháp luật công nhận, họ được phép biểu tình nơi công cộng.

- Mặt chủ quan của tội gây rối trật tự công cộng là phải cố ý; qua xét hỏi, các bị cáo đều không cố ý gây rối, mà chỉ muốn thể hiện lòng yêu nước của mình; do đó, thiếu yếu tố này thì không cấu thành tội phạm.

Từ những nội dung trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sửa bản án sơ thẩm và tuyên bố các bị cáo không phạm tội.

5.2. Ông Nguyễn Văn M trình bày:

Thống nhất với quan điểm của Luật sư M và bổ sung thêm như sau:

- Khách thể của tội gây rối trật tự công cộng thì Cáo trạng không nêu bật lên được. Hậu quả xảy ra thì không rõ ràng; vì người tham gia rất đông và không chỉ có 15 bị cáo tại phiên tòa hôm nay.

- Điều 25 và Điều 28 của Hiến pháp đã thể hiện rõ quyền công dân; Luật Đặc khu cũng đã được Quốc hội dừng lại luật này và không thông qua.

- Do các bị cáo không phạm tội nên phải trả lại vật chứng cho các bị cáo; trong đó, Quốc kỳ không phải là vật chứng nên cũng phải được trả lại.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm nêu trên.

5.3. Ông Trịnh Vĩnh Ph trình bày:

Thống nhất với quan điểm của Luật sư M và Luật sư M; đồng thời, bổ sung thêm như sau:

- Các bị cáo đều không có tiền án, tiền sự, chưa từng vi phạm pháp luật và họ là những công dân tốt; đồng thời, không có tình tiết tăng nặng.

- Hành vi của các bị cáo là xuất phát từ lòng yêu nước; các bị cáo đều là người lao động bình thường và có ý thức công dân.

- Theo trình bày của các bị cáo tại phiên tòa thì hành động của các bị cáo không bị ai mua chuộc và xúi giục; các bị cáo không đập phá tài sản và không chống người thi hành công vụ. Hành động của họ là nhất thời, bộc phát và không có sự tính toán trước.

Từ những nội dung trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sửa bản án sơ thẩm và tuyên bố các bị cáo không phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đều thay đổi nội dung kháng cáo như đã nêu trên; tuy nhiên, tất cả đều thừa nhận lời khai trong quá trình điều tra và phiên tòa sơ thẩm là tự nguyện và không bị ai ép buộc. Hội đồng xét xử nhận thấy việc điều tra, truy tố và xét xử của cấp sơ thẩm là khách quan; đã có đủ căn cứ xác định các bị cáo phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo theo quy định tại Khoản 1, Điều 318 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Các bị cáo đều tham gia đồng phạm mang tính chất giản đơn. Tất cả các bị cáo đều là người thực hành và trực tiếp thực hiện tội phạm.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; tham gia điều hành, hò hét và kích động đám đông; tham gia phản đối các chính sách pháp luật của Nhà nước theo cách thức trái pháp luật; gây ách tắc giao thông, gây náo động, làm rối loạn các hoạt động bình thường ở nơi công cộng; gây hoang mang trong quần chúng nhân dân; làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự và an toàn xã hội. Mặc dù, đã được lực lượng chức năng liên tục phát loa, giải thích pháp luật và yêu cầu các bị cáo cùng những người tham gia giải tán; tuy nhiên, các bị cáo không chấp hành mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội và chống đối; do đó, cần phải có hình phạt nghiêm để cải tạo, giáo dục các bị cáo; đồng thời, cũng để răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

[3] Về kháng cáo:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.
- Cấp sơ thẩm xác định đúng và đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo có kháng cáo như sau: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Các tình tiết này được quy định tại Điểm i và s, Khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); ngoài ra, cấp sơ thẩm còn xem xét để áp dụng thêm Khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo Đoàn Văn Th, vì đã có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự và bị cáo Võ Như H, vì đang nuôi con nhỏ.

Tại cấp phúc thẩm, người bào chữa cung cấp hình ảnh thể hiện bị cáo Đinh Mã Ph có tham gia quân đội, bị cáo Ph trình bày đã tham gia nghĩa vụ quân sự từ năm 2009 đến 2011; bị cáo Phạm Ngọc H nộp văn bản có xác nhận của chính quyền địa phương vào năm 2002, thể hiện bị cáo H công tác tại Ban Chấp hành Hội Liên hiệp Phụ nữ phường T, thành phố B.

- Từ những nội dung trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận thấy: Tòa án cấp sơ thẩm khi quyết định hình phạt đã xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo. Việc quyết định hình phạt của cấp sơ thẩm là phù hợp và đã thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật; nên không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; đồng thời, cũng không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo.

[4] Về án phí:

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các bị cáo kháng cáo không được chấp nhận; nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Đối với phần trình bày của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[6] Đối với phần trình bày của những người bào chữa không phù hợp với các nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử, nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điểm a, Khoản 1, Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Nguyễn Duy Q, Phạm Ngọc H, Đinh Mã Ph, Nguyễn Thị Thùy D, Hồ Công D, Diệp Út T, Võ Như H, Nguyễn Thị Lan A, Phạm Ngọc H, Đinh Kha L, Đoàn Văn Th, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị Ngọc Ph, Nguyễn Thị Trúc A và Nguyễn Thị Ngọc L;

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 249/2018/HS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B.

1. Áp dụng Khoản 1, Điều 318; Điểm i và Điểm s, Khoản 1, Điều 51; áp dụng thêm Khoản 2, Điều 51 (đối với bị cáo Võ Như H và Đoàn Văn Th) và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt các bị cáo sau đây về tội “Gây rối trật tự công cộng”:

1.1. Xử phạt bị cáo Trần Nguyễn Duy Q 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 10 tháng 6 năm 2018.

1.2. Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc H 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 10 tháng 6 năm 2018.

1.3. Xử phạt bị cáo Đinh Mã Ph10 (mười) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 10 tháng 6 năm 2018.

1.4. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thùy D 10 (mười) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 10 tháng 6 năm 2018.

1.5. Xử phạt bị cáo Hồ Công D 10 (mười) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 10 tháng 6 năm 2018.

1.6. Xử phạt bị cáo Diệp Út T 10 (mười) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 10 tháng 6 năm 2018.

1.7. Xử phạt bị cáo Võ Như H 08 (tám) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 10 tháng 6 năm 2018.

1.8. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Lan A 10 (mười) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 10 tháng 6 năm 2018.

1.9. Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc H 10 (mười) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 10 tháng 6 năm 2018.

1.10. Xử phạt bị cáo Đinh Kha L 10 (mười) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 10 tháng 6 năm 2018.

1.11. Xử phạt bị cáo Đoàn Văn Th 10 (mười) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 10 tháng 6 năm 2018.

1.12. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 10 (mười) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 10 tháng 6 năm 2018.

1.13. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Ph 10 (mười) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 10 tháng 6 năm 2018.

1.14. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Trúc A 10 (mười) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 10 tháng 6 năm 2018.

1.15. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L 10 (mười) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 10 tháng 6 năm 2018.

3. Về án phí:

Buộc các bị cáo Trần Nguyễn Duy Q, Phạm Ngọc H, Đinh Mã Ph, Nguyễn Thị Thùy D, Hồ Công D, Diệp Út T, Võ Như H, Nguyễn Thị Lan A, Phạm Ngọc H, Đinh Kha L, Đoàn Văn Th, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị Ngọc Ph, Nguyễn Thị Trúc A và Nguyễn Thị Ngọc L; mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

4. Quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo khác, xử lý vật chứng và án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thành phố B;
- Nhà Tạm giữ – Công an thành phố B;
- Trại Tạm giam – Công an tỉnh Đồng Nai;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an thành phố B;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố B;
- Các bị cáo (15);
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ-Công an tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Nguyễn Văn Thành